

CHÍNH PHỦ
Số: 24/2009/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 5 tháng 3 năm 2009

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

LẬP CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT, PHÁP LỆNH, CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Mục 1

LẬP ĐỀ NGHỊ CỦA CHÍNH PHỦ VỀ CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT, PHÁP LỆNH

Điều 1. Tập hợp kiến nghị xây dựng luật, pháp lệnh của cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể gửi kiến nghị xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội (sau đây gọi chung là luật, pháp lệnh) đến bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực bằng văn bản hoặc thông qua Trang thông tin điện tử của các cơ quan này. Trong trường hợp không xác định được địa chỉ cụ thể thì cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi kiến nghị đến Bộ Tư pháp; Bộ Tư pháp có trách nhiệm gửi kiến nghị đến bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan.

2. Kiến nghị xây dựng luật, pháp lệnh của cơ quan, tổ chức, cá nhân phải nêu rõ sự cần thiết ban hành văn bản, dự kiến những nội dung chính của văn bản.

3. Cơ quan nhận kiến nghị xây dựng luật, pháp lệnh có trách nhiệm tập hợp, phân tích, xử lý kiến nghị để chuẩn bị đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh của cơ quan mình.

Điều 2. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong việc lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh thuộc ngành, lĩnh vực do mình phụ trách gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp, trình Chính phủ.

Trong các trường hợp quy định tại Điều 53 Nghị định này, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có thể đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ, bãi bỏ nội dung trong nhiều luật, pháp lệnh.

2. Văn bản được đề nghị ban hành phải dựa trên các căn cứ sau đây:

- a) Căn cứ vào kết quả nghiên cứu, tổng kết lý luận và thực tiễn;
- b) Đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, giải quyết các vấn đề của xã hội và các vấn đề đó cần thiết phải điều chỉnh bằng văn bản quy phạm pháp luật;
- c) Bảo đảm thực hiện các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân;
- d) Phải được đánh giá tác động sơ bộ các chính sách cơ bản và nội dung chính của văn bản;
- đ) Phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước;
- e) Phù hợp với nội dung cam kết trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc có kế hoạch trở thành thành viên;
- g) Các điều kiện bảo đảm thi hành văn bản phải được xác định rõ;
- h) Việc ban hành văn bản phải bảo đảm tính khả thi.

Điều 3. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong việc chuẩn bị đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm giao cho đơn vị thuộc cơ quan mình chuẩn bị đề nghị xây dựng luật, pháp

lệnh hàng năm hoặc của cả nhiệm kỳ Quốc hội thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách.

Đơn vị chuẩn bị đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh có nhiệm vụ sau đây:

- a) Tổ chức lấy ý kiến các đơn vị liên quan về đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; đăng tải bản thuyết minh về đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh và báo cáo đánh giá tác động sơ bộ của văn bản trên Trang thông tin điện tử của cơ quan mình trong thời gian ít nhất là 20 (hai mươi) ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến;
- b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh trên cơ sở các ý kiến góp ý; gửi hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh đến tổ chức pháp chế để tổng hợp.

2. Tổ chức pháp chế có trách nhiệm giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- a) Lập dự thảo đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm và của cả nhiệm kỳ Quốc hội liên quan đến ngành, lĩnh vực do cơ quan mình phụ trách trên cơ sở đề nghị của các đơn vị trực thuộc, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và phải dựa trên các căn cứ đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này;
- b) Trong trường hợp cần thiết, đề nghị Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức cuộc họp với các đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có sự tham gia của đại diện Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ để cho ý kiến về đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh;
- c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh để trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm đến Bộ Tài chính để lấy ý kiến về tính hợp lý của nguồn tài chính dự kiến, đến Bộ Nội vụ để lấy ý kiến về tính hợp lý của nguồn nhân lực dự kiến.

Điều 4. Hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ gửi Bộ Tư pháp

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ gửi Bộ Tư pháp hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh theo nhiệm kỳ của Quốc hội chậm nhất vào ngày 01 tháng 3 năm đầu tiên của nhiệm kỳ Quốc hội.

Hồ sơ bao gồm:

a) Thuyết minh về đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh.

Bản thuyết minh về đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh phải nêu rõ tên văn bản và sự cần thiết ban hành văn bản; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản; nội dung chính của văn bản; chính sách cơ bản của văn bản và mục tiêu của chính sách; các giải pháp để thực hiện chính sách; các tác động tích cực, tiêu cực của chính sách; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc soạn thảo văn bản; dự kiến cơ quan chủ trì soạn thảo và thời gian trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội;

b) Báo cáo đánh giá tác động sơ bộ của văn bản.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ gửi Bộ Tư pháp hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm trên cơ sở chương trình của cả nhiệm kỳ Quốc hội chậm nhất là 105 (một trăm linh năm) ngày, trước ngày 01 tháng 3 của năm trước năm dự kiến trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hồ sơ bao gồm:

a) Bản thuyết minh về đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh.

Bản thuyết minh về đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh phải nêu rõ sự cần thiết ban hành luật, pháp lệnh; quan điểm chỉ đạo việc soạn thảo và quá trình đã chuẩn bị cho việc soạn thảo; chính sách cơ bản của văn bản và mục tiêu của chính sách; các tác động tích cực, tiêu cực của chính sách và các giải pháp để thực hiện chính sách;

b) Bản tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân;

c) Ý kiến của Bộ Tài chính về tính hợp lý của nguồn tài chính dự kiến, ý kiến của Bộ Nội vụ về tính hợp lý của nguồn nhân lực dự kiến;

d) Đề cương chi tiết của dự thảo văn bản.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ gửi Bộ Tư pháp hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm mà chưa có trong chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của cả nhiệm kỳ Quốc hội, chậm nhất là 105 (một trăm linh năm) ngày, trước ngày 01 tháng 3 của năm trước năm dự kiến trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hồ sơ bao gồm:

a) Bản thuyết minh về đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh.

Bản thuyết minh về đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh phải nêu rõ tên văn bản và sự cần thiết ban hành văn bản; quan điểm chỉ đạo việc soạn thảo; chính sách cơ bản của văn bản và mục tiêu của chính sách; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản; nội dung chính của văn bản; các giải pháp để thực hiện chính sách; các tác động tích cực, tiêu cực của chính sách; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc soạn thảo văn bản; dự kiến cơ quan chủ trì soạn thảo và thời gian trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; tiến độ đã chuẩn bị cho việc soạn thảo;

b) Báo cáo đánh giá tác động sơ bộ của văn bản;

c) Ý kiến của Bộ Tài chính về tính hợp lý của nguồn tài chính dự kiến, Bộ Nội vụ về tính hợp lý của nguồn nhân lực dự kiến;

d) Đề cương chi tiết của dự thảo văn bản.

Điều 5. Nội dung thuyết minh về sự cần thiết xây dựng luật, pháp lệnh

1. Đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh của cả nhiệm kỳ, thuyết minh về sự cần thiết xây dựng luật, pháp lệnh phải nêu rõ:

a) Bối cảnh, thực trạng quan hệ xã hội đòi hỏi phải có sự điều chỉnh của pháp luật; mục tiêu và các vấn đề cần giải quyết;

b) Tổng kết, đánh giá thực trạng của các quy định pháp luật hiện hành có liên quan đến các quan hệ xã hội cần điều chỉnh;

c) Mục tiêu bảo đảm thực hiện các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân (nếu có);

d) Chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về quản lý ngành, lĩnh vực có quan hệ xã hội cần điều chỉnh (nếu có);